

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày : 27.4.2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tài
2. Bà Trần Thị Quế

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 82/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101B/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 13, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 13, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Minh K, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn 13, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà N, bà T đều có mặt, ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà C trình bày: Bà C không có quan hệ anh em, họ hàng với vợ chồng bà T, ông K, hai bên có quen biết do ở cùng thôn nên bà C cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng,

bà T tự viết giấy vay tiền, ký tên và ghi “Phạm Thị T”, hạn đến tháng 12/2012 sẽ trả nợ. Đến hạn bà T không trả mặc dù bà C đã đòi nợ nhiều lần. Đến 18/3/2021 bà C gửi đơn đến UBND xã LT, huyện B để yêu cầu giải quyết nhưng không thành. Đến nay bà T chưa trả nợ cho bà C. Đồng thời tại thời điểm vay nợ thì bà T và ông K là vợ chồng, số tiền vay về chi tiêu chung trong gia đình. Nay bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông K có trách nhiệm trả cho bà C số tiền gốc đã vay là 20.000.000 đồng, lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 10/02/2022 với lãi suất 9%/năm x 20.000.000 đồng x 09 năm 01 tháng 10 ngày = 16.400.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 07/9/2021, 14/12/2021 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu cá nhân bà T có trách nhiệm trả nợ. Do bị đơn đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.860.000 đồng lãi phát sinh vì vậy rút một phần yêu cầu khởi kiện về trả nợ gốc 10.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2013 đến ngày 10/02/2022 với số tiền 16.400.000 đồng.

Bị đơn trình bày cá nhân bà vay không liên quan đến ông K, đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm không tham gia phiên tòa nên không phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh K đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng Phạm Thị T, ông Cao Minh K phải trả cho bà C số tiền gốc đã vay ngày 10/02/2012 là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/01/2013 đến nay. Theo giấy vay nợ ngày 10/02/2012 thì bà T có hạn đến tháng 12/12/2012 sẽ trả nợ tuy nhiên đến hạn bà T không trả nợ cho bà C. Ngày

18/3/2021 UBND xã LT, huyện B có mời các bên đến để hòa giải. Bà C yêu cầu bà T, ông K trả số nợ gốc đã vay 20.000.000 đồng, còn bà T thừa nhận chỉ còn nợ bà C số tiền 15.000.000 đồng và xin trả dần mỗi năm trả 2.000.000 đồng, ông K vắng mặt, vì vậy các bên không thống nhất. Đến ngày 14/5/2021 bà C khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu giải quyết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 162 BLDS 2005, Điều 157 BLSD 2015 Hội đồng xét xử xác định thời hiệu khởi quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

3. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bà C không có quan hệ họ hàng gì với bà T, ông K, giữa bà C và bà T có phát sinh quan hệ cho vay tiền, cụ thể: Ngày 10/02/2012 bà C cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, nội dung giấy vay tiền do bà T tự viết, có ký tên chữ “Thìn” và ghi họ tên “Phạm Thị T”, hạn đến tháng 12/2012 sẽ trả nợ. Về lãi suất cho vay không thể hiện cụ thể bao nhiêu, tuy nhiên cuối tờ giấy vay tiền có ghi “*đã trả lời 10/3, 10/4, 10/5, 10/6*”. Đến hạn bà T đã không trả nợ cho bà C. Ngày 18/3/2021 bà C làm đơn ra UBND xã LT, huyện B để hòa giải và yêu cầu bà T trả số nợ 20.000.000 đồng cho bà C, bà T cho rằng chỉ còn nợ bà C số tiền 15 triệu đồng nhưng không có căn cứ gì chứng minh là đã trả nợ nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy việc bà C khởi kiện để yêu cầu bà T trả số nợ gốc 20.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay bà N thừa nhận ngày 01/3/2022 bà T trả 8.000.000 đồng, ngày 27/4/2022 trả 2.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu bà T có trách nhiệm trả, rút yêu cầu khởi kiện buộc ông K trả nợ. Bà T cũng thừa nhận hiện nay cá nhân bà còn nợ bà C số tiền 10.000.000 đồng và đồng ý trả nợ. Vì vậy cần buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà C số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi phát sinh trên nợ gốc của bà C thấy rằng: Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi như sau: từ ngày 18/3/2021 đến 01/3/2022: 20.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 11 tháng 12 ngày = 1.710.000 đồng; lãi phát sinh từ 01/3/2022 đến 27/4/2022: 12.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 01 tháng 27 ngày = 150.000 đồng (làm tròn), tiền lãi phát sinh là 1.860.000 đồng và bị đơn đã trả xong. Lãi suất này phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2005 nên cần xem xét chấp nhận. Bị đơn cũng đồng ý tiền lãi và đã trả xong cho nguyên đơn nên không đề cập đến nữa.

Xét thấy khoản nợ trên thì chỉ có bà T vay, lấy tiền, viết giấy vay, ký và ghi họ tên người vay tiền, bà T thừa nhận cá nhân bà vay không liên quan đến ông K. Quá trình giải quyết vụ án ông K không đến làm việc để xác nhận nợ chung. Tại

phiên tòa hôm nay bà C chỉ yêu cầu bà T trả nợ nên cần buộc bà T trả số tiền trên cho bà C là đúng pháp luật.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn vì thuộc hộ cận nghèo năm 2022.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 280, Điều 162, Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C đối với bà Phạm Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Trần Thị C số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị T (thuộc hộ cận nghèo năm 2022).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy